

BẢNG GHI ĐIỂM

Phòng thi : 01

Từ SBD: 623001

Đến SBD: 623024

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 5		Chứng chỉ tiếng Anh lớp 4	Điểm khuyến khích	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Điểm thi	Tổng điểm
						học tại trường	Huyện/ Thị					
1	623001	TRẦN VĂN KHAI	Nam	29/09/2014	Bình Dương	TH Trần Văn Ôn	Bến Cát				4,90	4,90
2	623002	ĐỒNG TIẾN	Nam	25/09/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Thới Hòa	Bến Cát				6,90	6,90
3	623003	MÃ HOÀNG BẢO	Nam	27/11/2014	Thanh Hóa	TH Thới Hòa	Bến Cát				3,10	3,10
4	623004	NGUYỄN HOÀNG	Nam	09/03/2014	Tiền Giang	TH Thới Hòa	Bến Cát				1,90	1,90
5	623005	NGUYỄN HÀ KHÁNH	Nữ	06/08/2014	Bình Dương	TH Mỹ Phước	Bến Cát				2,90	2,90
6	623006	LÊ TÚ	Nữ	20/12/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Phù Đồng	Bến Cát				6,00	6,00
7	623007	TRINH HUỖN	Nữ	01/02/2014	Bình Dương	TH Thuận Giao	Thuận An				2,70	2,70
8	623008	NGUYỄN TRẦN TRÂM	Nữ	18/01/2014	Tp. Cần Thơ	TH Thới Hòa	Bến Cát				5,60	5,60
9	623009	NGUYỄN HOÀNG VÂN	Nữ	31/08/2014	Đắk Lắk	TH Thới Hòa	Bến Cát				2,50	2,50
10	623010	ĐẬU THÙY	Nữ	31/07/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Trần Văn Ôn	Bến Cát				6,20	6,20
11	623011	TRẦN PHƯƠNG	Nữ	26/07/2014	Đồng Nai	TH Thới Hòa	Bến Cát				3,60	3,60
12	623012	VÕ TRẦN GIA	Nam	15/02/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Thới Hòa	Bến Cát				4,20	4,20
13	623013	NGUYỄN GIA	Nam	08/04/2014	Bình Dương	TH Thới Hòa	Bến Cát				3,30	3,30
14	623014	LÊ GIA	Nam	15/09/2014	Bình Dương	TH Duy Tân	Bến Cát				3,30	3,30
15	623015	NGUYỄN LÂM GIA	Nam	31/03/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Thới Hòa	Bến Cát				4,30	4,30
16	623016	DƯƠNG THÁI	Nam	15/09/2014	Hà Tĩnh	TH Thới Hòa	Bến Cát				5,50	5,50
17	623017	CHU LÊ AN	Nam	19/01/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Thới Hòa	Bến Cát				5,50	5,50
18	623018	NGUYỄN NGỌC MINH	Nữ	20/12/2014	Bình Dương	TH Duy Tân	Bến Cát				4,60	4,60
19	623019	PHAN HÀ	Nam	17/11/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Thới Hòa	Bến Cát				6,80	6,80
20	623020	TRẦN THỰC	Nữ	03/07/2014	Nghệ An	TH Thới Hòa	Bến Cát				3,90	3,90
21	623021	TRẦN NGUYỄN THIÊN	Nữ	13/04/2014	Bình Dương	TH Thới Hòa	Bến Cát				7,10	7,10
22	623022	NGUYỄN HẢI	Nam	26/08/2014	Bình Dương	TH Mỹ Phước	Bến Cát				6,40	6,40
23	623023	LƯU ĐỨC	Nam	07/05/2014	Hà Tĩnh	TH Trần Quốc Tuấn	Bến Cát				4,40	4,40
24	623024	NGUYỄN BÙI QUỐC	Nam	16/03/2014	Hà Tĩnh	TH Duy Tân	Bến Cát				5,40	5,40

Danh sách này có 24 thí sinh./.

Bình Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Nguyễn Thị Nhật Hằng

Khoá thi ngày: 29 tháng 6 năm 2025

Phòng thi : 02

Từ SBD: 623025

Đến SBD: 623048

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 5		Chứng chỉ tổng Anh ngữ 4	Điểm Khuyến khích	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Điểm thi	Tổng điểm
						học tại trường	Huyện/ Thị					
1	623025	PHẠM THỊ NGỌC	Nữ	28/10/2014	Bình Dương	TH Thới Hòa	Bến Cát				4,80	4,80
2	623026	TRẦN NGUYỄN HẠC	Nữ	20/10/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Thới Hòa	Bến Cát				3,60	3,60
3	623027	LÊ MINH	Nam	05/10/2014	Bình Dương	TH Trần Văn Ôn	Bến Cát				1,60	1,60
4	623028	NGUYỄN TRẦN	Nam	19/08/2014	Bình Dương	TH Thới Hòa	Bến Cát				4,00	4,00
5	623029	LÊ THỊ ÁNH	Nữ	09/04/2014	Nghệ An	TH Thới Hòa	Bến Cát				5,60	5,60
6	623030	NGUYỄN THỊ THÙY	Nữ	18/09/2014	Bình Dương	TH Thới Hòa	Bến Cát				6,10	6,10
7	623031	TRẦN MINH	Nữ	27/02/2014	Bình Dương	TH Thới Hòa	Bến Cát				7,10	7,10
8	623032	PHAN NGUYỄN NHẢ	Nữ	29/05/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Thới Hòa	Bến Cát				6,20	6,20
9	623033	ĐẶNG GIA	Nữ	24/03/2014	Bình Dương	TH Duy Tân	Bến Cát				6,40	6,40
10	623034	TRẦN LÊ BẢO	Nữ	21/04/2014	Bình Định	TH Thới Hòa	Bến Cát				0,30	0,30
11	623035	PHẠM GIA	Nữ	27/11/2014	Bình Dương	TH Mỹ Phước	Bến Cát				5,20	5,20
12	623036	TRẦN THÚY	Nữ	23/03/2014	Hà Tĩnh	TH Thới Hòa	Bến Cát				6,70	6,70
13	623037	TRẦN THỊ THÚY	Nữ	19/04/2014	Bình Dương	TH Thới Hòa	Bến Cát				2,60	2,60
14	623038	LÊ THU	Nữ	28/10/2014	Thanh Hóa	TH Chánh Phú Hòa	Bến Cát				3,80	3,80
15	623039	SHENG CHEN	Nam	16/03/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Duy Tân	Bến Cát				5,20	5,20
16	623040	NGUYỄN HỮU	Nam	20/03/2014	Bình Dương	TH Thới Hòa	Bến Cát				5,80	5,80
17	623041	LÊ MINH	Nam	22/06/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Thới Hòa	Bến Cát				6,50	6,50
18	623042	HUỲNH GIA	Nam	17/02/2014	Bình Dương	TH Thới Hòa	Bến Cát				3,30	3,30
19	623043	ĐÌNH DIỄN	Nam	04/02/2014	Bình Định	TH Thới Hòa	Bến Cát				5,30	5,30
20	623044	ĐỖ MINH	Nam	20/01/2014	Bình Dương	TH Duy Tân	Bến Cát		1,0	Flyers 13 khiên	7,10	8,10
21	623045	HUỲNH NHẤT	Nam	22/08/2014	Bình Định	TH Thới Hòa	Bến Cát				5,00	5,00
22	623046	TRẦN ĐÌNH NHẬT	Nam	13/08/2014	Quảng Ngãi	TH Duy Tân	Bến Cát		1,0	Flyers 13 khiên	5,40	6,40
23	623047	NGUYỄN NGỌC AN	Nữ	27/11/2014	Bình Dương	TH Thới Hòa	Bến Cát				4,80	4,80
24	623048	LÊ DƯƠNG HUY	Nam	04/09/2014	Bình Định	TH Thới Hòa	Bến Cát				5,90	5,90

Danh sách này có 24 thí sinh./.

Bình Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Nguyễn Thị Nhật Hằng

BẢNG GHI ĐIỂM

Phòng thi : 03

Từ SBD: 623049 Đến SBD: 623072

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 5		Chứng chỉ sáng Ảnh học 4	Điểm Khuyến khích	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Điểm thi	Tổng điểm
						học tại trường	Huyện/ Thị					
1	623049	ĐỖ TRẦN GIA	Nam	20/09/2014	Quảng Nam	TH Thới Hòa	Bến Cát				6,80	6,80
2	623050	PHÙNG NGUYỄN	Nam	15/10/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Thới Hòa	Bến Cát				6,80	6,80
3	623051	TRẦN LONG MINH	Nam	04/12/2014	Đắk Lắk	TH Duy Tân	Bến Cát				5,40	5,40
4	623052	LÊ MINH	Nam	27/12/2014	Bình Dương	TH Trần Văn Ôn	Bến Cát				5,90	5,90
5	623053	ĐOÀN NHẬT MINH	Nam	30/04/2014	Đồng Nai	TH Mỹ Phước	Bến Cát				3,30	3,30
6	623054	ĐỖ MINH	Nam	11/04/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Duy Tân	Bến Cát				4,50	4,50
7	623055	NGUYỄN ĐĂNG QUỐC	Nam	02/04/2014	Bình Định	TH Thới Hòa	Bến Cát				3,10	3,10
8	623056	LẠI THÁI ANH	Nam	29/07/2014	Thanh Hóa	TH Thới Hòa	Bến Cát				3,60	3,60
9	623057	TRẦN VÔ THIÊN	Nữ	25/07/2014	Ninh Thuận	TH Tân Định	Bến Cát				8,20	8,20
10	623058	VÕ BẢO	Nữ	02/06/2014	Bình Dương	TH Thới Hòa	Bến Cát				3,40	3,40
11	623059	HOÀNG HÀ	Nữ	12/01/2014	Thanh Hóa	TH Duy Tân	Bến Cát				6,60	6,60
12	623060	TRẦN HỒ DIỆU	Nữ	01/11/2014	Nghệ An	TH Thới Hòa	Bến Cát				4,70	4,70
13	623061	NGUYỄN NGỌC THẢO	Nữ	26/05/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Thới Hòa	Bến Cát				1,70	1,70
14	623062	VÕ NGUYỄN PHƯƠNG	Nữ	13/01/2014	Bình Dương	TH Thới Hòa	Bến Cát				2,30	2,30
15	623063	NGUYỄN THỊ THÙY	Nữ	30/11/2014	Thanh Hóa	TH Thới Hòa	Bến Cát				3,30	3,30
16	623064	LÊ THỊ KHÁNH	Nữ	18/07/2014	Bình Dương	TH Thới Hòa	Bến Cát				2,70	2,70
17	623065	VĂN HỮU	Nam	30/09/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Thới Hòa	Bến Cát				3,80	3,80
18	623066	TẠ NHẬT TUỆ	Nữ	10/03/2014	Bình Dương	TH Trần Văn Ôn	Bến Cát				3,10	3,10
19	623067	CAO THỊ NGỌC	Nữ	20/07/2014	Nghệ An	TH Thới Hòa	Bến Cát				6,80	6,80
20	623068	NGUYỄN ĐỨC	Nam	26/08/2014	Hà Nam	TH Thới Hòa	Bến Cát				4,80	4,80
21	623069	HỒ THIÊN	Nam	11/05/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Thới Hòa	Bến Cát				4,90	4,90
22	623070	PHẠM QUANG	Nam	08/01/2013	Bình Dương	TH Duy Tân	Bến Cát				8,30	8,30
23	623071	NGUYỄN ANH	Nam	31/10/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Mỹ Phước	Bến Cát				1,90	1,90
24	623072	TẶNG PHÚ	Nữ	17/06/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Thới Hòa	Bến Cát				4,30	4,30

Danh sách này có 24 thí sinh./.

THỦ ĐẤU
Bình Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2025
TRƯỜNG CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
NGUYỄN HIỆP THỊ
NGUYỄN VĂN AN
Nguyễn Thị Nhật Hằng

BẢNG GHI ĐIỂM

Phòng thi : 04

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 5		Chung chỉ tổng Anh bậc 4	Điểm Khuyến khích	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Điểm thi	Tổng điểm
						học tại trường	Huyện/ Thị					
1	623073	LƯƠNG PHƯƠNG	Nam	24/04/2014	Bình Dương	TH Phù Đồng	Bến Cát				5,90	5,90
2	623074	BÙI KIM KHÁNH	Nữ	15/04/2014	Bình Dương	TH Thới Hòa	Bến Cát				3,50	3,50
3	623075	NGUYỄN BẢO	Nữ	04/05/2014	Bình Dương	TH Mỹ Phước	Bến Cát				3,30	3,30
4	623076	NGUYỄN CHÍ	Nam	22/09/2014	Bình Dương	TH Duy Tân	Bến Cát		1,0	Flyers 14 khiên	6,80	7,80
5	623077	TRẦN THỊ THANH	Nữ	15/06/2014	Quảng Nam	TH Thới Hòa	Bến Cát				5,90	5,90
6	623078	NGUYỄN ĐÀO BẢO	Nữ	09/10/2014	Bình Dương	TH Thới Hòa	Bến Cát				1,80	1,80
7	623079	NGUYỄN MỸ	Nữ	01/08/2014	Cà Mau	TH Duy Tân	Bến Cát				4,80	4,80
8	623080	NGUYỄN THỊ BẢO	Nữ	31/03/2014	Nghệ An	TH Mỹ Phước	Bến Cát				6,70	6,70
9	623081	LÊ HOÀNG YẾN	Nữ	14/11/2014	Bình Dương	TH Định Hòa 2	Bến Cát				v	v
10	623082	PHAN KHÁNH	Nữ	28/11/2014	Bình Dương	TH Thới Hòa	Bến Cát				3,60	3,60
11	623083	TRẦN ĐẶNG GIA	Nam	27/02/2014	Bình Dương	TH Thới Hòa	Bến Cát				3,50	3,50
12	623084	NGÔ THẢO	Nữ	10/08/2014	Bình Dương	TH Mỹ Phước	Bến Cát		1,0	Flyers 14 khiên	7,20	8,20
13	623085	PHẠM CÔNG THÀNH	Nam	18/09/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Thới Hòa	Bến Cát				4,40	4,40
14	623086	NGÔ YẾN	Nữ	01/04/2014	Bình Phước	TH Duy Tân	Bến Cát				2,40	2,40
15	623087	ĐẶNG THỊ QUỲNH	Nữ	16/05/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Thới Hòa	Bến Cát				7,10	7,10
16	623088	PHẠM ĐÀO BẢO	Nữ	09/03/2014	Quảng Ngãi	TH Duy Tân	Bến Cát				7,20	7,20
17	623089	BÙI NGUYỄN TÂM	Nữ	30/09/2014	Quảng Ngãi	TH Thới Hòa	Bến Cát				4,90	4,90
18	623090	ĐOÀN THỊ QUỲNH	Nữ	04/01/2014	Hà Tĩnh	TH Thới Hòa	Bến Cát				4,40	4,40
19	623091	PHAN QUỲNH	Nữ	25/07/2014	Bình Dương	TH Thới Hòa	Bến Cát				1,80	1,80
20	623092	LÂM NGỌC HUỲNH	Nữ	20/01/2014	Bình Dương	TH Thới Hòa	Bến Cát				5,40	5,40
21	623093	ĐINH HỮU	Nam	01/10/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Mỹ Phước	Bến Cát				2,50	2,50
22	623094	ĐOÀN MINH	Nam	28/01/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Xanh Tuệ Đức, BD	Bến Cát				5,70	5,70
23	623095	PHẠM THẢO	Nữ	15/10/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Thới Hòa	Bến Cát		1,0	Flyers 14 khiên	7,50	8,50
24	623096	TRẦN THỊ THU	Nữ	04/04/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Thới Hòa	Bến Cát				7,00	7,00

Danh sách này có 24 thí sinh./.

Bình Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

TRƯỜNG

TRUNG HỌC CƠ SỞ

NGUYỄN VIỆT XƯƠNG

Nguyễn Thị Nhật Hằng

Khoá thi ngày: 29 tháng 6 năm 2025

Phòng thi : 05

Từ SBD: 623097

Đến SBD: 623120

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 5		Chứng chỉ tiếng Anh bậc 4	Điểm Khuyến khích	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Điểm thi	Tổng điểm
						học tại trường	Huyện/ Thị					
1	623097	NGUYỄN PHẠM NHẬT	Nữ	13/09/2014	Bình Dương	TH Thới Hòa	Bến Cát				4,20	4,20
2	623098	PHẠM HUỲNH MAI	Nữ	31/07/2014	Phú Yên	TH Mỹ Phước	Bến Cát				3,60	3,60
3	623099	NGUYỄN HOÀNG QUÂN	Nam	20/04/2014	Quảng Bình	TH Thới Hòa	Bến Cát				4,50	4,50
4	623100	NGUYỄN TIẾN MINH QUÂN	Nam	08/02/2014	Phú Yên	TH Mỹ Phước	Bến Cát				4,80	4,80
5	623101	NGUYỄN PHẠM ĐIỂM QUỲNH	Nữ	02/11/2014	Nam Định	TH Thới Hòa	Bến Cát				5,20	5,20
6	623102	VĂN HOÀNG SON	Nam	06/04/2014	Bình Dương	TH Thới Hòa	Bến Cát				5,40	5,40
7	623103	NGUYỄN ĐÌNH GIANG SON	Nam	16/07/2014	Hà Tĩnh	TH Thới Hòa	Bến Cát				3,40	3,40
8	623104	LÊ ĐÌNH TÂM	Nam	24/06/2014	Bình Dương	TH Thới Hòa	Bến Cát				4,50	4,50
9	623105	BÙI NGỌC THANH TÂM	Nữ	17/06/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Thới Hòa	Bến Cát				4,60	4,60
10	623106	NGUYỄN MINH THÁI	Nam	02/10/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Thới Hòa	Bến Cát				2,60	2,60
11	623107	NGUYỄN TIẾN THÀNH	Nam	10/05/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Thới Hòa	Bến Cát				6,20	6,20
12	623108	NGUYỄN VIỆT THÀNH	Nam	28/07/2014	Bình Dương	TH Duy Tân	Bến Cát				2,50	2,50
13	623109	TRẦN NHƯ THẢO	Nữ	27/03/2014	Đồng Nai	TH Thới Hòa	Bến Cát				3,80	3,80
14	623110	PHẠM NGỌC THẢO	Nữ	02/05/2014	Tây Ninh	TH Trần Văn Ôn	Bến Cát				3,00	3,00
15	623111	TRẦN NGỌC THIÊN	Nam	16/08/2014	Bình Dương	TH Thới Hòa	Bến Cát				5,20	5,20
16	623112	THẠCH VÕ PHÚC THỊNH	Nam	20/03/2014	Bình Dương	TH Mỹ Phước	Bến Cát	1,0		Flyers 13 khiên	6,50	7,50
17	623113	LÊ CÔNG THỊNH	Nam	20/10/2014	Bình Dương	TH Trần Quốc Tuấn	Bến Cát				3,30	3,30
18	623114	ĐẶNG ANH THƯ	Nữ	21/10/2014	Bình Dương	TH Duy Tân	Bến Cát				8,00	8,00
19	623115	KIỀU LÊ ANH THƯ	Nữ	04/11/2014	Bình Dương	TH Duy Tân	Bến Cát				6,50	6,50
20	623116	VÕ NGỌC MINH THƯ	Nữ	13/05/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Thới Hòa	Bến Cát				3,40	3,40
21	623117	HOÀNG BẢO ANH THƯ	Nữ	09/09/2014	Hà Tĩnh	TH Thới Hòa	Bến Cát				5,30	5,30
22	623118	HUỲNH ĐÌNH THUẬN	Nam	31/01/2014	Bình Dương	TH Thới Hòa	Bến Cát				3,80	3,80
23	623119	DƯƠNG THỊ HOÀI THƯƠNG	Nữ	25/04/2014	Bình Dương	TH Thới Hòa	Bến Cát				4,50	4,50
24	623120	NGUYỄN NGỌC THẢO TIÊN	Nữ	29/11/2014	Đắk Lắk	TH Duy Tân	Bến Cát				3,20	3,20

Danh sách này có 24 thí sinh./.

Bình Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Nguyễn Thị Nhật Hằng

Khoá thi ngày: 29 tháng 6 năm 2025

Phòng thi : 06

Từ SBD: 623121

Đến SBD: 623138

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 5		Chung chỉ tổng Anh hie-4	Điểm Khuyến khích	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Điểm thi	Tổng điểm
						học tại trường	Huyện/ Thị					
1	623121	CHU MINH	Nam	14/08/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Thới Hòa	Bến Cát				5,60	5,60
2	623122	MAI CÔNG	Nam	06/11/2014	Bình Dương	TH Duy Tân	Bến Cát				2,40	2,40
3	623123	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	Nữ	19/03/2014	Bình Dương	TH Thới Hòa	Bến Cát				6,30	6,30
4	623124	TRẦN THỊ THUY	Nữ	07/06/2014	Bình Dương	TH Thới Hòa	Bến Cát				8,30	8,30
5	623125	TRẦN PHAN MINH	Nam	21/05/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Thới Hòa	Bến Cát				5,60	5,60
6	623126	DƯƠNG HOÀNG MINH	Nam	31/08/2014	Bình Dương	TH Thới Hòa	Bến Cát				2,00	2,00
7	623127	LÝ THANH	Nữ	24/07/2014	Bình Dương	TH Thới Hòa	Bến Cát				3,80	3,80
8	623128	NGUYỄN LINH	Nữ	22/12/2013	Thái Bình	TH Thới Hòa	Bến Cát				4,80	4,80
9	623129	PHAN VĂN TUẤN	Nam	17/02/2014	Bình Dương	TH Thới Hòa	Bến Cát				3,30	3,30
10	623130	ĐẶNG ANH	Nam	18/08/2014	Vĩnh Phúc	TH Trần Quốc Tuấn	Bến Cát				4,00	4,00
11	623131	NGUYỄN THỊ ÁNH	Nữ	17/04/2014	Bình Dương	TH Duy Tân	Bến Cát				3,00	3,00
12	623132	LÊ QUANG	Nam	04/05/2014	An Giang	TH Mỹ Phước	Bến Cát				4,30	4,30
13	623133	NGUYỄN THẢO	Nữ	07/05/2014	Bình Dương	TH Thới Hòa	Bến Cát				5,50	5,50
14	623134	LÊ NGUYỄN PHƯƠNG	Nữ	17/11/2014	Bình Dương	TH Duy Tân	Bến Cát				4,60	4,60
15	623135	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	Nữ	26/02/2014	Thừa Thiên Huế	TH Thới Hòa	Bến Cát				3,60	3,60
16	623136	LÊ TRẦN THIÊN	Nữ	25/12/2014	Bình Thuận	TH Thới Hòa	Bến Cát				7,70	7,70
17	623137	HÀ HOÀNG	Nữ	11/11/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Thới Hòa	Bến Cát				5,30	5,30
18	623138	ĐO NGUYỄN NGỌC	Nữ	27/10/2014	Bình Dương	TH Thới Hòa	Bến Cát				4,20	4,20

Danh sách này có 18 thí sinh./.

Bình Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Nguyễn Thị Nhật Hằng